**MA TRẬN - BẢNG ĐẶC TẢ - ĐỀ KIỂM TRA – ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN KHTN 6**

**(CUỐN CHIẾU)**

**I. MA TRẬN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu** | **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| **Nguyên sinh vật** **(5 tiết)** |  | 1 |  |  | 1 |  |  |  | 1 | 1 | 1,75 |
| Nấm (3 t)  |  | 4 |  | 1 |  |  |  |  |  | 4 | 1 |
| Thực vật (5t)  |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  | 1 | 1 | 1,75 |
| Động vật (6t)  | 1 | 1 |  | 2 |  |  |  |  | 1 | 3 | 2,25 |
| **Đa dạng sinh học** **(4 tiết)**  |  | 3 |  | 2 |  |  |  |  |  | 5 | 1,25 |
| Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên ( 3t)  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  | 1 |
| Lực là gì (3 tiết)  |  | 1 |  | 1 | 1 |  |  |  | 1 | 2 | 1 |
| **Số câu TN/ Số ý TL** | 1 | 10 | 3 | 6 | 3 |  | 2 |  | 5 | 16 |  |
| **Điểm số** | **1,5** | **2,5** | **1,5** | **1,5** | **2** |  | **1** |  | **6** | **4** | **10** |
| **Tổng điểm số (%)** | 440% | **3****30%** | **2****20%** | **1****10%** | 25 | **10 điểm****(100%)** |

#

# **II. BẢNG MÔ TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6 (Nhóm 3)**

| Nội dung | Mức độ | Yêu cầu cần đạt | Số ý TL/số câu hỏi TN | Câu hỏi |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TL(Số ý) | TN(Số câu) | TL(Số ý) | TN(Số câu) |
| 3. Đa dạng nguyên sinh vật:- Sự đa dạng nguyên sinh vật.- Một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên | Nhận biết: | - Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. |  | 1 |  | C1 |
| Thông hiểu: | - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...). |  |  |  |  |
| - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. |  |  |  |  |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.  |  |  |  |  |
| Vận dụng: | Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. | 1  |  | C19 (1,5) |  |
| 4. Đa dạng nấm:- Sự đa dạng nấm.- Vai trò của nấm. - Một số bệnh do nấm gây ra | Nhận biết: | Nêu được một số bệnh do nấm gây ra |  | *4* |  | C2,3,4,5 |
| Thông hiểu: | - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. |  |  |  |  |
| - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...). |  |  |  |  |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra |  |  |  |  |
| Vận dụng: | Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). |  |  |  |  |
| Vận dụng cao: | Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... |  |  |  |  |
| 5. Đa dạng thực vật:- Sự đa dạng.- Thực hành. | Thông hiểu: | - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).  | 1  | 1 | C18 (1,5) | C12 |
| Vận dụng: | Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. |  |  |  |  |
| 6. Đa dạng động vật :- Sự đa dạng.- Thực hành. | Nhận biết: | Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.  | 1 | 1 | C17 (1,5) | C6, |
| Thông hiểu: | - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ.- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  | 2 |  | C13,14 |
| Vận dụng: | Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| 7. Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên. Bảo vệ đa dạng sinh học | Nhận biết: | Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, … |  | 5  |  | C7,8,9,10,11 |
| Vận dụng: | Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. |  |  |  |  |
| 9. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. | Vận dụng cao: | - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận.- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).- Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.- Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.- Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).- Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. | 1 (1) |  | C20 (1) |  |
| 10. Lực và tác dụng của lực | Nhận biết | - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.- Nêu được đơn vị lực đo lực.- Nhận biết được dụng cụ đo lục là lực kế.- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ.- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động.- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật. |  | 1  |  | (C15) |
| Thông hiểu | - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.- Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế). |  | 1 |  | C16 |
| Vận dụng | - Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó. | 1 |  |  | C21 |

**III. ĐỀ KIỂM TRA GỮA HỌC KÌ II MÔN KHTN 6**

**A. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) Khoanh tròn trước câu trả lời đúng nhất (0,25đ)**

**Câu 1**:   Nội dung nào dưới đây là đúng khi nói về nguyên sinh vật?

A. Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật đơn bào, nhân thực, có kích thước hiển vi.

B. Nguyên sinh vật là nhóm động vật đơn bào, nhân thực, có kích thước hiển vi.

C. Hầu hết nguyên sinh vật là cơ thể đơn bào, nhân thực, có kích thước hiển vi. Một số có cấu tạo đa bào, kích thước lớn, có thể nhìn thấy bằng mắt thường.

D. Hầu hết nguyên sinh vật là cơ thể đa bào, nhân thực, kích thước lớn, có thể nhìn thấy rất rõ bằng mắt thường.

**Câu 2**: Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Nấm là sinh vật đơn bào hoặc đa bào nhân thực

B. Nấm hương, nấm mốc là đại diện thuộc nhóm nấm túi

C. Chỉ có thể quan sát nấm dưới kính hiển vi

D. Tất cả các loài nấm đều có lợi cho con người

**Câu 3:** Con đường nào dưới đây không phải là con đường lây truyền các bệnh do nấm?

 A. Vệ sinh cá nhân chưa đúng cách C. Truyền dọc từ mẹ sang con

 B. Tiếp xúc trực tiếp với mầm bệnh D. Ô nhiễm môi trường

**Câu 4:** Trong số các tác hại sau đây, tác hại nào không phải do nấm gây ra?

1. Gây bệnh nấm da đầu
2. Làm hư hỏng thực phẩm, đồ dùng
3. Gây ngộ độc thực phẩm ở người
4. Gây bệnh viêm gan B ở người

**Câu 5**: Đặc điểm của người bị bệnh hắc lào là?

A. Xuất hiện những vùng da phát ban đỏ, gây ngứa

B. Xuất hiện các mụn nước nhỏ li ti, ngây ngứa

C. Xuất hiện vùng da có dạng tròn, đóng vảy, có thể sưng đỏ và gây ngứa

D. Xuất hiện những bọng nước lớn, không ngứa, không đau nhức

**Câu 6:** Động vật có tác hại là:

1. Truyền bệnh cho người. B. Làm thức ăn C. Thụ phấn cho cây trồng D. Cung cấp phân bón.

**Câu 7:** Đa dạng sinh học không biểu thị ở tiêu chí nào sau đây?

A. Đa dạng nguồn gen.             B. Đa dạng hệ sinh thái.

C. Đa dạng loài.                        D. Đa dạng môi trường.

**Câu 8:** Cho các vai trò sau:

(1) Đảm bảo sự phát triển bền vũng của con người

(2) Là nguồn cung cấp tài nguyên vô cùng, vô tận

(3) Phục vụ nhu cầu tham quan, giải trí của con người

(4) Giúp con người thích nghi với biến đổi khí hậu

(5) Liên tục hình thành thêm nhiều loài mới phục vụ cho nhu cầu của con người

Những vai trò nào là vai trò của đa dạng sinh học đối với con người?

A. (1), (2), (3)                 B. (2), (3), (5)

C. (1), (3), (4)                 D. (2), (4), (5)

**Câu 9 :** Biện pháp nào sau đây không phải là bảo vệ đa dạng sinh học?

A. Nghiêm cấm phá rừng để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật.

B. Cấm săn bắt, buôn bán, sử dụng trái phép các loài động vật hoang dã.

C. Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để mọi người tham gia bảo vệ rừng.

D. Dừng hết mọi hoạt động khai thác động vật, thực vật của con người.

**Câu 10.** Gấu trắng là đại diện của sinh cảnh nào?

A. Sa mạc B. Đài nguyên C. Rừng nhiệt đới D. Vùng Bắc Cực

**Câu 11**. Trong các sinh cảnh sau, sinh cảnh nào có đa dạng sinh học lớn nhất?

A. Hoang mạc B. Rừng ôn đới

C. Rừng mưa nhiệt đới D. Đài nguyên

**Câu 12**. Đặc điểm nào dưới đây không phải của các thực vật thuộc ngành Hạt kín?

A. Sinh sản bằng bào tử C. Có hoa và quả

B. Hạt nằm trong quả D. Thân có hệ mạch dẫn hoàn thiện

**Câu 13**. Cho các loài động vật sau:

(1) Sứa (5) Cá ngựa

(2) Giun đất (6) Mực

(3) Ếch giun (7) Tôm

(4) Rắn (8) Rùa

Loài động vật nào thuộc ngành động vật không xương sống?

A. (1), (3), (5), (7) C. (3), (4), (5), (8)

B. (2), (4), (6), (8) D. (1), (2), (6), (7)

**Câu 14**. **Đặc điểm cơ thể chia 3 phần, cơ thể phân đốt, đối xứng hai bên, bộ xương ngoài bằng chitin là của nhóm ngành nào?**

* **A. Chân khớp**B. Giun đốt                   C. Lưỡng cư                   D. Cá

**Câu 15:** Muốn đo lực ta dùng dụng cụ

A. Cân

B. Bình chia độ

C. Thước

D. Lực kế

**Câu 16:** Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào xuất hiện lực không tiếp xúc?

A. Em bé đẩy cho chiếc xe đồ chơi rơi xuống đất

B. Quả táo rơi từ trên cây xuống

C. Cầu thủ đá quả bóng bay vào ngôn

D. Gió thổi làm thuyền chuyển động

**B/ TỰ LUẬN (6 điểm) :**

**Câu 17 (1,5).** **Động vật có những vai trò gì trong cuộc sống hằng ngày của em? Hãy kể tên các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật mà em đã sử dụng**

Trả lời:

Động vật có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống hằng ngày, chúng cung cấp thức ăn cho con người, các sản phẩm từ động vật được sử dụng làm đồ mỹ nghệ và đồ trang sức, phục vụ giải trí, ...

Sản phẩm có nguồn gốc từ động vật: ngọc trai, mật ong, lông cừu, ...

**Câu 18 (1,5).** Quan sát hình 29.4, hãy cho biết hàm lượng khí carbon dioxide và oxygen trong không khí được cân bằng như thế nào?  Từ đó, hãy nêu vai trò của thực vật trong điều hòa khí hậu.



Giải

Nhờ quá trình quang hợp ở thực vật. Hàm lượng khí carbon dioxide thải ra được thực vật hấp thụ lại và nhả lại oxi như một chất thải trong quá trình quang hợp. Vậy nên khí carbondioxide và oxigen trong không khí được cân bằng.

Vai trò của thực vật trong điều hòa không khí: hàm lượng khí carbon dioxide và oxygen trong không khí được cân bằng, ổn định, điều hòa khí hậu

**Câu 19 (1,5)** Dựa vào kết quả quan sát được dưới kính hiển vi hoặc quan sát hình 31.2, hãy thực hiện các yêu cầu sau:

1. Vẽ hình trùng roi và trùng giày em quan sát được.

2. Những đặc điểm nào giúp em phân biệt được trùng roi và trùng giày?

**Trả lời:**

1. Học sinh tự vẽ hình.

2. Đặc điểm giúp phân biệt trùng roi và trùng giày là:

* Trùng roi có các hạt diệp lục, trùng giày không có
* Trùng roi có điểm mắt, trùng giày không có
* Trùng roi có roi, trùng giày không có
* Trùng giày có lông bơi, trùng roi không có

**Câu 20 (1đ)**

a) Trong khu vực quan sát, nhóm động vật nào em gặp nhiều nhất? Nhóm nào gặp ít nhất? Nhận xét về hình dạng, kích thước, cơ quan di chuyển và cách di chuyển của các loài động vật quan sát được.

b) Nêu tên các loài động vật có ích cho cây, có hại cho cây mà em quan sát được.

***HS nêu các sinh vật quan sát được trong khu vực thực hành ( Dự kiến lời giải)***

a)

- Nhóm động vật gặp nhiều nhất: côn trùng

- Nhóm động vật gặp ít nhất: ruột khoang

- Nhận xét các động vật quan sát được:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên động vật** | **Hình dạng** | **Kích thước** | **Cơ quan di chuyển** | **Cách di chuyển** |
| Chim bồ câu | Thân hình thoi | Khoảng 500g | Cánh, chân | Bay và đi bộ |
| Châu chấu | Thân hình trụ | Khoảng 3 – 5g | Cánh, chân | Bay, bò, nhảy |
| Sâu | Thân hình trụ | Khoảng 1 – 2g | Cơ thể | Bò |

b) Vai trò của các loại động vật đã quan sát:

- Có ích:

+ Chim bắt sâu hại cây

- Có hại:

- Sâu và châu chấu ăn lá cây

**Câu 21 (0,5đ):** Người thủ môn đã bắt được bóng khi đối phương sút phạt. Em hãy cho biết lực của bóng tác dụng lên tay thủ môn và lực của thủ môn tác dụng lên bóng là lực hút hay lực đẩy, lực tiếp xúc hay lực không tiếp xúc?

Trả lời

 - Lực của bóng tác dụng lên tay thủ môn là lực đẩy và là lực tiếp xúc.

- Lực của thủ môn tác dụng lên bóng là lực đẩy và là lực tiếp xúc.

**……………HẾT…………**